

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2369/QĐ-ĐHNN ngày 18 tháng 10 năm 2023)

Ngành: Ngôn ngữ Pháp

Chuyên ngành: Tiếng Pháp Du lịch

Loại hình đào tạo: Bằng đại học thứ 2

Số học phần: 46/56**

Tổng số TC: 108/134**

Số lượng học kỳ: 05

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Học phần bắt buộc	Khối kiến thức	Số TC của HK
1	KXH1012	Tiếng Việt thực hành	2	1	x	Khoa học Xã hội	20
2	PHA4013	Nghe 1	3	1	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
3	PHA4023	Nói 1	3	1	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
4	PHA4032	Đọc 1	2	1	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
5	PHA4042	Viết 1	2	1	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
6	PHA4052	Ngữ pháp 1	2	1	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
7	PHA4063	Nghe 2	3	1	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
8	PHA4073	Nói 2	3	1	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
9	PHA4082	Đọc 2	2	2	x	Kiến thức Thực hành tiếng	22
10	PHA4092	Viết 2	2	2	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
11	PHA4112	Nghe 3	2	2	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
12	PHA4122	Nói 3	2	2	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
13	PHA4132	Đọc 3	2	2	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
14	PHA4142	Viết 3	2	2	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
15	PHA4102	Ngữ pháp 2	2	2	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
16	KXH1042	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2	x	Khoa học Xã hội	
17	KNV1022	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	x	Khoa học Nhân văn	
18	PHA2012	Ngữ âm - âm vị tiếng pháp	2	2	x	Kiến thức ngôn ngữ (chọn 4/8 tín chỉ)	
19	PHA2032	Hình thái tiếng pháp	2	2	x		
20	PHA2042	Cú pháp tiếng Pháp	2	2			

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Học phần bắt buộc	Khối kiến thức	Số TC của HK
21	PHA2052	Ngữ pháp văn bản	2	2			
22	PHA4152	Nghe 4	2	3	x	Kiến thức Thực hành tiếng	22
23	PHA4162	Nói 4	2	3	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
24	PHA4172	Đọc 4	2	3	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
25	PHA4182	Viết 4	2	3	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
26	PHA4212	Thực hành dịch cơ bản	2	3	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
27	LCT1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	x	Lý luận chính trị	
28	KXP1072	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	3	x	Khoa học Xã hội	
29	KXH1092	Pháp luật đại cương	2	3	x	Lý luận chính trị	
30	PHAG273	Tiếng Pháp chuyên ngành du lịch	3	3	x	Kiến thức chuyên ngành du lịch	
31	PHAG363	Tổng quan du lịch	3	3	x	Kiến thức chuyên ngành du lịch	
32	PHA4193	Nghe - Nói V	3	4	x	Kiến thức Thực hành tiếng	23
33	PHA4203	Đọc - Viết V	3	4	x	Kiến thức Thực hành tiếng	
34	PHA2022	Từ vựng học tiếng Pháp	2	4	x	Kiến thức Ngôn ngữ (chọn 2/4 tín chỉ)	
35	PHAA182	Ngữ dụng học (cơ bản)	2	4		Kiến thức chuyên ngành du lịch (chọn 9/16 tín chỉ)	
36	PHAG182	Nghiep vụ lễ tân	2	4	x		
37	PHAG323	Địa danh lịch sử văn hóa Việt Nam	3	4	x		
38	PHAG352	Luật du lịch	2	4	x		
39	PHAG332	Du lịch sinh thái và môi trường	2	4	x		
40	PHAG023	Công nghiệp lữ hành	3	4			
41	PHAG082	Công nghệ dịch vụ Nhà hàng	2	4			
42	PHAG192	Địa lý du lịch (Pháp)	2	4			
43	PHA3012	Lịch sử địa lý Pháp	2	4	x	Kiến thức văn hoá - văn học (chọn 6/12 tín chỉ)	
44	PHA3072	Giao thoa văn hóa	2	4	x		
45	PHA3022	Lịch sử Văn học Pháp	2	4	x		
46	PHA3032	Lịch sử nghệ thuật Pháp	2	4			
47	PHA3042	Văn học các nước Pháp ngữ	2	4			
48	PHA3062	Xã hội Pháp đương đại	2	4			
49	KXP1022	Ngôn ngữ học đối chiếu (Pháp)	2	5	x	Khoa học xã hội	
50	PHAG314	Hướng dẫn viên du lịch	4	5	x	Kiến thức chuyên ngành du lịch	

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Học phần bắt buộc	Khối kiến thức	Số TC của HK
51	PHAG343	Di sản văn hóa	3	5	x	Kiến thức chuyên ngành du lịch	21
52	PHAG065	Thực tập cuối khóa	5	5	x	Thực tập	
53	PHAG072	Thiết kế và tổ chức Tour	2	5		Khoá luận tốt nghiệp / Học phần thay thế (chọn 7/14 tín chỉ)	
54	PHAG203	Văn hóa giao tiếp du lịch (Pháp)	3	5			
55	PHAG372	Du lịch điện tử	2	5			
56	PHAGTN7	Khoá luận tốt nghiệp (Du lịch)	7	5			
** Số tín chỉ phải tích lũy trên tổng số tín chỉ của chương trình.							88

Số TC bắt buộc học Chương trình Ngôn ngữ Pháp:

Số tín chỉ của Học kỳ 1:	20
Số tín chỉ của Học kỳ 2:	22
Số tín chỉ của Học kỳ 3:	22
Số tín chỉ của Học kỳ 4:	23
Số tín chỉ của Học kỳ 5:	21
	108

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hồng Nhung

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY TOÀN KHÓA

Ngành: Ngôn ngữ Pháp

Số học phần: 46

Chuyên ngành: Du lịch

Tổng số TC: 108

Loại hình đào tạo: Bằng đại học thứ 2 Từ xa

Số lượng học kỳ: 05

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Số buổi học online	Số tiết học online	Số buổi tự nghiên cứu	Số tiết tự nghiên cứu	Số tiết kiểm tra giữa kỳ	Hình thức thi hết học phần
1	KXH1012	Tiếng Việt thực hành	2	1	2	10	12	60	1	Tiểu luận
2	PHA4013	Nghe 1	3	1	6	30	12	60	1	Thi
3	PHA4023	Nói 1	3	1	6	30	12	60	1	Thi
4	PHA4032	Đọc 1	2	1	4	20	6	30	1	Thi
5	PHA4042	Viết 1	2	1	4	20	6	30	1	Thi
6	PHA4052	Ngữ pháp 1	2	1	4	20	6	30	1	Thi
7	PHA4063	Nghe 2	3	1	6	30	12	60	1	Thi
8	PHA4073	Nói 2	3	1	6	30	12	60	1	Thi
9	PHA4082	Đọc 2	2	2	4	20	6	30	1	Thi
10	PHA4092	Viết 2	2	2	4	20	6	30	1	Thi
11	PHA4112	Nghe 3	2	2	4	20	6	30	1	Thi
12	PHA4122	Nói 3	2	2	4	20	6	30	1	Thi
13	PHA4132	Đọc 3	2	2	4	20	6	30	1	Thi
14	PHA4142	Viết 3	2	2	4	20	6	30	1	Thi
15	PHA4102	Ngữ pháp 2	2	2	4	20	6	30	1	Thi
16	KXH1042	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2	2	10	12	60	1	Tiểu luận
17	KNV1022	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	2	10	12	60	1	Tiểu luận
18	PHA2012	Ngữ âm - âm vị tiếng pháp	2	2	2	10	12	60	1	Thi

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Số buổi học online	Số tiết học online	Số buổi tự nghiên cứu	Số tiết tự nghiên cứu	Số tiết kiểm tra giữa kỳ	Hình thức thi hết học phần
19	PHA2032	Hình thái tiếng pháp	2	2	2	10	12	60	1	Thi
20	PHA4152	Nghe 4	2	3	4	20	6	30	1	Thi
21	PHA4162	Nói 4	2	3	4	20	6	30	1	Thi
22	PHA4172	Đọc 4	2	3	4	20	6	30	1	Thi
23	PHA4182	Viết 4	2	3	4	20	6	30	1	Thi
24	PHA4212	Thực hành dịch cơ bản	2	3	4	20	6	30	1	Thi
25	LCT1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	2	10	12	60	1	Thi
26	KXP1072	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	3	2	10	12	60	1	Tiểu luận
27	KXH1092	Pháp luật đại cương	2	3	2	10	12	60	1	Thi
28	PHAG273	Tiếng pháp chuyên ngành du lịch	3	3	3	15	18	90	1	Thi
29	PHAG363	Tổng quan du lịch	3	3	3	15	18	90	1	Tiểu luận
30	PHA4193	Nghe - Nói V	3	4	6	30	12	60	1	Thi
31	PHA4203	Đọc - Viết V	3	4	6	30	12	60	1	Thi
32	PHA2022	Từ vựng học tiếng Pháp	2	4	2	10	12	60	1	Tiểu luận
33	PHAG182	Nghiệp vụ lễ tân	2	4	2	10	12	60	1	Thi
34	PHAG323	Địa danh lịch sử văn hóa Việt Nam	3	4	3	15	18	90	1	Tiểu luận
35	PHAG352	Luật du lịch	2	4	2	10	12	60	1	Thi
36	PHAG332	Du lịch sinh thái và môi trường	2	4	2	10	12	60	1	Tiểu luận
37	PHA3012	Lịch sử địa lý Pháp	2	4	2	10	12	60	1	Tiểu luận
38	PHA3072	Giao thoa văn hóa	2	4	2	10	12	60	1	Tiểu luận
39	PHA3022	Lịch sử Văn học Pháp	2	4	2	10	12	60	1	Tiểu luận
40	KXP1022	Ngôn ngữ học đối chiếu (Pháp)	2	5	2	10	12	60	1	Tiểu luận
41	PHAG314	Hướng dẫn viên du lịch	4	5	4	20	6	30	1	Tiểu luận
42	PHAG343	Di sản văn hóa	3	5	3	15	18	90	1	Tiểu luận
43	PHAG065	Thực tập cuối khóa	5	5		0	12	60	1	Báo cáo
44	PHAG072	Thiết kế và tổ chức Tour	2	5	2	10	12	60	1	Tiểu luận

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	Số buổi học online	Số tiết học online	Số buổi tự nghiên cứu	Số tiết tự nghiên cứu	Số tiết kiểm tra giữa kỳ	Hình thức thi hết học phần
45	PHAG203	Văn hóa giao tiếp du lịch (Pháp)	3	3	3	15	18	90	1	Tiểu luận
46	PHAG372	Du lịch điện tử	2	5	2	10	12	60	1	Tiểu luận
TỔNG			108		151	755	486	2430	46	

Số TC bắt buộc học Chương trình NNP:

Số tín chỉ của Học kỳ 1:	20
Số tín chỉ của Học kỳ 2:	22
Số tín chỉ của Học kỳ 3:	22
Số tín chỉ của Học kỳ 4:	23
Số tín chỉ của Học kỳ 5:	21
TỔNG	108

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hồng Nhung